TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 05 – 6– 2025 .
"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Kim Triều**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Cao Minh Sơn**

2. Bà **Thạch Thị Mỹ Kim**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lương Thị Hồng Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thu Giang** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 293/2024/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số:20/2025, ngày 21/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị Bích H**, sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông **Trương Công T,** sinh năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm F, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 9 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trịnh Thị Bích H trình bày: Vào năm 2003 bà và ông Trương Công T được sự chấp thuận của gia đình hai bên, vợ chồng có tiến hành tổ chức lễ cưới, đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Trà Vinh, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình chồng tại khóm F, phường I, thành phố T, trong quá trình chung sống giữa bà và ông Trương Công T thường xảy ra mâu thuẫn về cách sống, cách nói chuyện dẫn đến ông T có hành vi hành hung bà. Từ tháng 9 năm 2024 vợ chồng do có xảy ra mâu thuẫn, nên bà và con gái Trương Ngọc N đã chuyển ra ngoài

sinh sống cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn bà, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Công T.

Về con chung: vợ chồng có một con chung tên Trương Ngọc N, sinh ngày 07/9/2004 đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa hôm nay ông Trương Công T vắng mặt, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 23/12/2024, lấy lời khai ngày 06/5/2025 bị đơn ông Trương Công T trình bày*: Theo yêu cầu khởi kiện và nội dung trình bày của bà Trịnh Thị Bích H thì ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông thừa nhận ông và bà H là vợ chồng hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Trà Vinh vào ngày 11/01/2005. Nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là vì trước đó khoảng tháng 7/2024 ông bị tai nạn giao thông, nên từ đó bà H và con gái bỏ mặt ông, không quan tâm chăm sóc, sau khi xây nhà ở khóm A, phường I, thành phố T thì khoảng tháng 9 năm 2024 giữa ông và bà H xảy ra mâu thuẫn lời qua tiếng lại rồi bà H không cho ông sống chung, nên từ tháng 9 năm 2024 ông đã về nhà cha mẹ ruột tại khóm G (nay là khóm F), phường I, thành phố T sinh sống cho đến nay.

Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn với bà H bởi vì ông còn thương vợ, thương con, ông vẫn muốn hàn gắn gia đình để cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: vợ chồng có một con chung tên Trương Ngọc N, sinh ngày 07/9/2004 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Sau khi phân tích đánh giá các tình tiết có trong hồ sơ vụ án. Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trịnh Thị Bích H và ông Trương Công T được ly hôn với nhau, về con chung Trương Ngọc N đã trưởng thành có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết, về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, về nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết, ngoài ra bà H còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Trương Công T vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 3; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: giữa bà Trịnh Thị Bích H và ông Trương Công T là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05, ngày 11/01/2005, xét thấy nguyên nhân dẫn đến bà H xin ly hôn với ông T là do vợ chồng tính tình không hợp, luôn xảy ra mâu thuẩn, bất đồng với nhau trong lời ăn tiếng nói, cách sống, cách suy nghĩ giữa hai người, đỉnh điểm là từ tháng 9/2024 khi bà H chuyển ra ngoài sinh sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẩn nhiều hơn, Cụ thể khi Tòa án xác minh làm việc với chính quyền địa phương thì được biết từ khi bà H và con gái chuyển về sinh sống tại khóm A, phường I, thành phố T thì ông T nhiều lần đến tìm bà H để kiếm chuyện, chửi bới, đập phá tài sản, đồ đạc trong nhà của bà H, có lần ông T còn đập bể cửa kính, sự việc trên bà H có trình báo chính quyền địa phương đến giải quyết.

Từ đó cho thấy việc ông Trương Công T cho rằng vì còn thương vợ thương con mong muốn đoàn tụ với bà H, lời trình bày của ông không có cơ sở chấp nhận. Bởi qua xác minh tại chính quyền địa phương xét thấy hành vi của ông là không có thiện chí để hàn gắn, ngày 23/12/2024 Tòa án có tiến hòa giải cho hai người hàn gắn, tuy nhiên khi về địa phương ông vẫn đến tìm đến bà H để kiếm chuyện dẫn đến đập phá tài sản, vì vậy có duy trì mối quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó việc bà Trịnh Thị Bích H yêu cầu ly hôn ông Trương Công T là Phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: bà Trịnh Thị Bích H và ông Trương Công T có một con chung tên Trương Ngọc N, sinh ngày 07/9/2004 đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: vợ chồng không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: vợ chồng xác nhận không có và không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết

[6] Về án phí: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015 của Quốc hội, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Trịnh Thị Bích H phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trương Thị Bích H1 được ly hôn với ông Trương Công T.

2. Về nuôi con chung: Trương Ngọc N, sinh ngày 07/9/2004 đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: vợ chồng không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: vợ chồng xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết

5. Về án phí: Bà Trịnh Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001050, ngày 20/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 05/6/2025, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Kim Triều

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh.
- VKSND TPTV.
- THADS TPTV
- Nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS (…)

các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/8/2017, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.